

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày 29-7-2024

V/v “Tranh chấp nghĩa vụ
thanh toán trong hợp đồng mua
bán tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Tiên; ông Nguyễn Hồng
Quang.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân huyện Tư
Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham
gia phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh
Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/TLST-DS
ngày 19 tháng 02 năm 2024 về “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp
đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-
DS, ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST-
DS, ngày 17/7/2024 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Ông [Nguyễn Bá L](#), sinh năm 1949 và bà [Biên Thị Kim L1](#),
sinh năm 1952.

Địa chỉ: [Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi](#).

- *Bị đơn:* Ông [Bùi Đình V](#), sinh năm 1972 và bà [Nguyễn Thị Hồng H](#), sinh
năm 1974.

Địa chỉ: [Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi](#)

(Nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn bà [Nguyễn Thị Hồng H](#) xin vắng mặt; ông
[Bùi Đình V](#) vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và văn bản trình bày ý kiến, nguyên đơn ông [Nguyễn Bá
L](#), bà [Biên Thị Kim L1](#) trình bày:

Ngày 28/12/2019 vợ chồng ông Nguyễn Bá L, bà Biện Thị Kim L1 có bán cho vợ chồng ông Bùi Đình V, bà Nguyễn Thị Hồng H một con bò với giá tiền hai bên thỏa thuận là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng). Vì thiếu vốn mua nên vợ chồng ông V, bà H có viết giấy hẹn đến ngày 10/01/2020 trả đủ số tiền 28.000.000 đồng nhưng đến hết năm 2020 ông V, bà H chỉ trả được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 18.000.000 đồng vợ chồng ông L yêu cầu trả nhưng vợ chồng ông V hứa hẹn không trả. Nay ông L, bà L1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Đình V, bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 18.000.000 đồng; không yêu cầu trả lãi.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 12/6/2024 và biên bản ghi lời khai ngày 18/7/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày;

Vợ chồng bà đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa nhưng vì bận công việc làm ăn buôn bán nên chưa đến Tòa án để làm việc. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà có ý kiến: Ngày 28/12/2019 vợ chồng bà có mua một con bò của vợ chồng ông L với giá là 28.000.000 đồng mà không đủ tiền nên có viết giấy hẹn đến ngày 10/01/2020 trả; sau đó có trả được 10.000.000 đồng còn nợ 18.000.000 đồng như vợ chồng ông L trình bày là đúng. Do điều kiện kinh tế khó khăn, con đi học tốn kém nên vợ chồng bà chưa trả được. Nay bà đồng ý trả số tiền còn thiếu 18.000.000 đồng cho vợ chồng ông L.

Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa đã giao thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho ông Bùi Đình V1; bà H (vợ ông V1) đã nhận giao lại cho ông V1 nhưng ông V1 không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn ông [Nguyễn Bá L](#), bà [Biên Thị Kim L1](#) và bị đơn bà [Nguyễn Thị Hồng H](#) chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn ông [Bùi Đình V](#) chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông [Nguyễn Bá L](#), bà [Biên Thị Kim L1](#), buộc bị đơn ông [Bùi Đình V](#), bà [Nguyễn Thị Hồng H](#) phải trả lại cho ông [L](#), bà [L1](#) số tiền 18.000.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông [Nguyễn Bá L](#), bà [Biên Thị Kim L1](#) khởi kiện ông [Bùi Đình V](#), bà [Nguyễn Thị Hồng H](#) có địa chỉ tại [xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi](#). Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Nguyên đơn ông [Nguyễn Bá L](#), bà [Biên Thị Kim L1](#) và bị đơn bà [Nguyễn Thị Hồng H](#) có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông [L](#), bà [L1](#), bà [H](#) theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn ông [Bùi Đình V](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không vì sự bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông [V](#).

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông [Nguyễn Bá L](#), bà [Biên Thị Kim L1](#) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông [Bùi Đình V](#), bà [Nguyễn Thị Hồng H](#) có nghĩa vụ trả số tiền mua bò còn thiếu là 18.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy;

[2.2] Ngày 28/12/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự về việc mua bán tài sản là một con bò với giá tiền là 28.000.000 đồng. Vì bị đơn thiếu vốn nên có ghi giấy hẹn đến ngày 10/01/2020 trả cho nguyên đơn nhưng đã trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 18.000.000 đồng. Tại văn bản trình bày ý kiến

ngày 12/6/2024 bị đơn bà H đồng ý với nội dung giấy ghi ngày 28/12/2019 là đúng chữ viết, chữ ký của ông V, bà H nhưng điều kiện kinh tế quá khó khăn, chưa trả được nợ. Do đó. Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bị đơn ông Bùi Đình V, bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bá L, bà Biên Thị Kim L1 số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

[2.3] Nguyên đơn ông Nguyễn Bá L, bà Biên Thị Kim L1 không yêu cầu trả lãi nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.000.000 đồng x 5% = 900.000 đồng. Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, Điều 147, Điều 227, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, 117, 274, 275, 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá L, bà Biên Thị Kim L1; buộc bị đơn ông Bùi Đình V, bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bá L, bà Biên Thị Kim L1 số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Bùi Đình V, bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng [D](#) sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu

